

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	1-2
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	3-4
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	5-6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	9-34



CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Khang Minh Group (trước đây là Công ty cổ phần Gạch Khang Minh) (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Các thành viên của Ban Lãnh đạo công ty trong suốt kỳ kế toán và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên	Chức danh
- Ông Đặng Việt Lê	Chủ tịch
- Ông Lê Hoài An	Ủy viên
- Ông Phạm Sĩ Giang	Ủy viên
- Ông Nguyễn Văn Tiêm	Ủy viên
- Ông Trần Hải Long	Ủy viên

GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Thành viên	Chức danh
- Ông Lê Hoài An	Giám đốc
- Bà Hoàng Hạnh Phúc	Kế toán trưởng

Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Lãnh đạo cam kết không có bất kỳ sự kiện quan trọng nào phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM – thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Lãnh đạo Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp có sự kiện bất thường xảy ra buộc Công ty không thể tiếp tục hoạt động.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (tiếp theo)

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Ban Lãnh đạo chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách thích hợp tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt Ban Lãnh đạo



Đặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nam, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Số: 642/2019/BCSX-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi :
Quý cổ đông
Ban Lãnh đạo
Công ty cổ phần Khang Minh Group

Chúng tôi đã tiến hành soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty cổ phần Khang Minh Group (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 22/07/2019 từ trang 05 đến trang 34, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

Kết luận của kiểm toán

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/06/2019, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của đơn vị cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Tài Dũng
Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2018-137-1
Giấy Ủy quyền số: 05/2015/UQ-CPA VIETNAM ngày 10/10/2015 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM
Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens
Hà nội, ngày 13 tháng 08 năm 2019

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		113.779.659.807	96.267.763.825
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		11.982.791.283	4.420.798.740
1. Tiền	111	V.01	11.982.791.283	4.420.798.740
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		65.174.896.608	65.577.175.750
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	61.365.916.836	63.882.124.819
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	4.030.447.476	1.916.518.635
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.04	48.318.182	48.318.182
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.05	(269.785.886)	(269.785.886)
IV. Hàng tồn kho	140	V.06	19.706.616.385	9.353.735.982
1. Hàng tồn kho	141		19.706.616.385	9.353.735.982
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		16.915.355.531	16.916.053.353
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	683.860.763	578.811.681
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.12	16.231.494.768	16.337.241.672
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		138.692.486.563	145.396.558.223
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	43.479.425
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.04	-	43.479.425
II. Tài sản cố định	220		29.076.843.246	34.835.731.354
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	29.076.843.246	34.835.731.354
- Nguyên giá	222		69.039.696.295	71.126.441.750
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(39.962.853.049)	(36.290.710.396)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.399.927.769	5.383.249.469
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.08	5.399.927.769	5.383.249.469
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.10	101.394.183.172	102.144.183.172
1. Đầu tư vào công ty con	251		101.394.183.172	101.394.183.172
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	750.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		2.821.532.376	2.989.914.803
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	2.821.532.376	2.989.914.803
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		252.472.146.370	241.664.322.048

Mẫu số B 01a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2019

(tiếp theo)

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/06/2019	01/01/2019
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		88.983.563.567	80.640.037.396
I. Nợ ngắn hạn	310		82.091.259.186	72.303.118.495
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	34.566.252.011	19.905.327.679
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.815.016.091	2.525.459.893
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.12	1.481.430.552	3.250.143.335
4. Phải trả người lao động	314		915.926.321	1.125.580.554
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.13	5.008.756.936	6.742.540.256
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.14	37.303.877.275	38.754.066.778
II. Nợ dài hạn	330		6.892.304.381	8.336.918.901
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.14	6.892.304.381	8.336.918.901
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		163.488.582.803	161.024.284.652
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	163.488.582.803	161.024.284.652
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		141.750.000.000	141.750.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		8.711.059.091	8.711.059.091
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		13.027.523.712	10.563.225.561
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		10.563.225.561	4.712.924.777
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.464.298.151	5.850.300.784
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		252.472.146.370	241.664.322.048

Hà Nam, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Người lập

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Việt Lê

Mẫu số B 02a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	TM	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	54.086.222.427	65.624.795.908
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	19.591.850
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp DV	10		54.086.222.427	65.605.204.058
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	44.790.407.379	54.562.109.548
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		9.295.815.048	11.043.094.510
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	464.381	1.923.628
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	1.719.224.825	2.055.242.656
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.719.224.825	2.055.242.656
8. Chi phí bán hàng	25	VI.05	1.862.640.227	2.891.054.729
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.06	1.402.973.062	2.121.785.602
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.311.441.315	3.976.935.151
11. Thu nhập khác	31	VI.07	1.013.000.000	-
12. Chi phí khác	32	VI.08	2.172.718.635	303.293.643
13. Lợi nhuận khác	40		(1.159.718.635)	(303.293.643)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.151.722.680	3.673.641.508
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	687.424.529	793.558.121
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.464.298.151	2.880.083.387

Người lập

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Việt Lê

Mẫu số B 03a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	MS	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	62.401.908.856	63.990.547.711
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(39.086.087.819)	(53.034.219.363)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(6.553.805.423)	(6.703.741.446)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.719.224.825)	(2.055.242.656)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05	(1.552.399.627)	(1.802.988.780)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	20.295.605.850	19.820.435.410
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(25.054.210.282)	(33.794.489.683)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	8.731.786.730	(13.579.698.807)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(38.454.545)	(2.433.986.672)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	1.013.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(79.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	750.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	464.381	1.923.628
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.725.009.836	(81.432.063.044)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	99.000.000.000
3. Tiền thu từ đi vay	33	73.658.916.389	48.818.846.787
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(76.553.720.412)	(55.508.814.071)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.894.804.023)	92.310.032.716
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	7.561.992.543	(2.701.729.135)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4.420.798.740	4.037.081.349
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	11.982.791.283	1.335.352.214

Hà Nam, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Người lập

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Việt Lê

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Khang Minh Group (trước đây là Công ty Cổ phần Gạch Khang Minh) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp 0700510750, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 09 năm 2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 02 tháng 05 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Theo Giấy chứng nhận này:

Tên công ty:

- Viết bằng tiếng Việt: Công ty Cổ phần Khang Minh Group;
- Viết bằng tiếng nước ngoài: Khang Minh Group Joint Stock Company

Địa chỉ trụ sở chính: Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Địa chỉ giao dịch: SH19, Lô B4, KĐT mới Nam Trung Yên, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ: 141.750.000.000 đồng (một trăm bốn mươi một tỷ bảy trăm năm mươi triệu đồng)

Mệnh giá: 10.000 đồng, tổng số cổ phần: 14.175.000 (cp)

2. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của công ty trong kỳ là sản xuất gạch không nung các loại.

II. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức ghi sổ kế toán: Nhật ký chung dựa trên máy tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Các loại tỷ giá hối đoái**

Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong Báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

- (i) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản (Tiền, Nợ phải thu,...): Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại mà Công ty mở tài khoản tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- (ii) Các khoản vốn bằng tiền có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả (Phải trả người bán, vay,...): Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng thương mại mà Công ty mở tài khoản tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại được kết chuyển vào tài khoản Chênh lệch tỷ giá -413, số dư tài khoản này sẽ được kết chuyển vào Doanh thu hoặc chi phí tài chính tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Nguyên tắc xác định tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển. Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi. Tiền đang chuyển được ghi nhận dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Nguyên tắc xác định các khoản tương đương tiền

Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán. Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty con: Các khoản đầu tư vào các công ty con mà Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh: Các khoản đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.
- Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013. Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.
- Phải thu nội bộ gồm các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***MẪU SỐ B 09a - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)****5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho***Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có liên quan trực tiếp khác để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Chi phí mua của hàng tồn kho bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bảo quản, bốc xếp trong quá trình mua hàng và các chi phí có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng. Chi phí chế biến bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung biến đổi và chi phí sản xuất chung cố định.

Phương pháp ghi nhận hàng tồn kho

Giá trị của hàng tồn kho cuối kỳ được tính theo phương pháp bình quân gia quyền. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho được áp dụng là phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm kết thúc niên độ kế toán và được xác định trên cơ sở chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định*Nguyên tắc ghi nhận*

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định vô hình bao gồm quyền sử dụng đất, bằng sáng chế và các tài sản cố định vô hình khác. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ... Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Phương pháp khấu hao

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 12
Máy móc và thiết bị	03 - 12
Phương tiện vận tải và truyền dẫn	06 - 18
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 08

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**7. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời các khoản vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì được ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi vốn hóa.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Phương pháp phân bổ chi phí trả trước

Chi phí trả trước liên quan đến năm tài chính hiện tại được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của năm tài chính. Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn cho các kỳ hạch toán theo phương pháp đường thẳng, số năm phân bổ dựa vào tính chất và mức độ của từng loại chi phí.

10. Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, phải trả nội bộ và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác)
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

11. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính (tiếp theo)

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

12. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

13. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

14. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị ước tính hợp lý về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại thời điểm kết thúc năm tài chính.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí trong kỳ.

15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận nguồn vốn kinh doanh

Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông.

Các quỹ: việc trích lập các quỹ theo điều lệ công ty và các quy định của pháp luật có liên quan.

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng được xác định một cách đáng tin cậy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (tiếp theo)***Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Phần công việc đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Thu nhập cho vay, lãi trái phiếu, lãi tiền gửi được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi phát sinh tính theo tỷ suất sinh lợi thực tế.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Thu nhập do bán chứng khoán được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá gốc của chứng khoán.

17. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.

18. Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.
- Chi phí tài chính khác

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế được tính dựa trên kết quả hoạt động trong kỳ và điều chỉnh cho các khoản thu nhập không chịu thuế và các khoản chi phí không được khấu trừ hoặc không được chấp nhận là chi phí hợp lý, hợp lệ để tính thuế và các khoản lỗ từ các năm trước mang sang, nếu có.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (tiếp theo)

20. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính và các khoản ký quỹ. Nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc, nợ phải trả tài chính bao gồm phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng phải thu khó đòi và các khoản đầu tư tài chính được đánh giá lại khi có khả năng giảm giá dưới hình thức dự phòng giảm giá các khoản đầu tư, thì hiện tại chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

21. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra các quyết định chính sách tài chính và hoạt động.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hiện nay, phần lớn hoạt động của Công ty tập trung vào một lĩnh vực nhất định. Do đó việc trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là hoàn toàn không cần thiết.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác trong môi trường kinh tế khác. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty tập trung cùng địa bàn. Vì vậy việc không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý không ảnh hưởng trọng yếu tới việc trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nói chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUPKhu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***MẪU SỐ B 09a - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG**

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
01. Tiền		
- Tiền	11.834.905.084	3.831.495.093
- Tiền gửi ngân hàng	147.886.199	589.303.647
Cộng	<u><u>11.982.791.283</u></u>	<u><u>4.420.798.740</u></u>
02. Phải thu của khách hàng	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
 Phải thu của khách hàng ngắn hạn	61.365.916.836	63.882.124.819
- Công ty Thành An 116 - Tổng công ty Thành An	2.098.230.713	2.098.230.713
- Công ty Cổ phần Xây Dựng Số 2	242.898.560	542.898.560
- Công ty TNHH Tập đoàn xây dựng Delta	1.124.448.292	2.299.645.915
- Công ty TNHH Hồng Hạnh	2.078.304.444	1.535.804.444
- Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại MHDI 10	1.825.936.620	2.029.991.959
- Công ty Cổ phần TSQ Techco	1.864.293.272	2.164.293.272
- Công ty Cổ phần Ecoba Việt Nam	11.047.831.916	11.946.106.472
- Công ty TNHH Vật Tư Và Xây Dựng Hoàng Thành	2.893.294.260	3.513.219.272
- Công ty TNHH thương mại và đầu tư Long Hải	2.442.404.372	540.327.903
- Công ty CP Hà Đô 45	2.850.825.040	158.501.651
- Đối tượng khác	32.897.449.347	37.053.104.658
Cộng	<u><u>61.365.916.836</u></u>	<u><u>63.882.124.819</u></u>
 Phải thu của khách hàng là các bên liên quan		.
	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
- Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	440.000.000	440.000.000
	<u><u>440.000.000</u></u>	<u><u>440.000.000</u></u>
03. Trả trước cho người bán	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
 Ngắn hạn	4.030.447.476	1.916.518.635
- Công ty Cổ phần vận tải Vijasun Hà Nam	1.582.547.675	1.565.547.675
- Công ty Cổ phần Tecons	1.084.682.560	-
- Thuê văn phòng SH19	260.550.000	-
- Thu đối tượng khác	1.102.667.241	350.970.960
Cộng	<u><u>4.030.447.476</u></u>	<u><u>1.916.518.635</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

04. Phải thu khác	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	48.318.182		48.318.182	
- Phải thu khác	48.318.182		48.318.182	
b) Dài hạn	-		43.479.425	
- Ký cược, ký quỹ	-		43.479.425	
Cộng	48.318.182		91.797.607	

05. Dự phòng phải thu khó đòi	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Công ty CP đầu tư xây dựng và dịch vụ Thái Sơn	4.489.240	(4.489.240)	4.489.240	(4.489.240)
- Công ty TNHH tư vấn và XD Kim Việt	40.584.600	(40.584.600)	40.584.600	(40.584.600)
- Công ty CP đầu tư và xây dựng Hoa Việt	23.331.970	(23.331.970)	23.331.970	(23.331.970)
- Công ty TNHH Xây dựng Thái Bình Dương	28.490.000	(28.490.000)	28.490.000	(28.490.000)
- Công ty TNHH Beta Media	7.692.250	(7.692.250)	7.692.250	(7.692.250)
- Công ty TNHH Thương mại Sơn Hải	94.315.520	(94.315.520)	94.315.520	(94.315.520)
- Công ty CP công trình Long Hưng	70.882.306	(70.882.306)	70.882.306	(70.882.306)
Cộng	269.785.886	(269.785.886)	269.785.886	(269.785.886)

06. Hàng tồn kho	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	6.445.334.909		1.141.102.491	
- Công cụ, dụng cụ	-		6.443.220	
- Thành phẩm	13.261.281.476		8.206.190.271	
Cộng	19.706.616.385		9.353.735.982	

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
07. Chi phí trả trước		
a) Ngắn hạn	683.860.763	578.811.681
- Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ	683.860.763	578.811.681
b) Dài hạn	2.821.532.376	2.989.914.803
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng chờ phân bổ	183.223.278	319.945.997
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.638.309.098	2.669.968.806
Cộng	<u>3.505.393.139</u>	<u>3.568.726.484</u>
08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
<i>Trong đó:</i>		
- Mua sắm tài sản cố định	-	-
- Xây dựng cơ bản dở dang	5.399.927.769	5.383.249.469
+ Văn phòng làm việc	5.274.097.469	5.274.097.469
+ Nhà kho	125.830.300	109.152.000
Cộng	<u>5.399.927.769</u>	<u>5.383.249.469</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)***MẪU SỐ B 09a - DN**(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)****09. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	PTVT, truyền dẫn	Thiết bị QL	Tài sản có định khác	Cộng
Nguyên giá						
<i>Dư đầu kỳ</i>	16.829.374.924	43.041.316.836	9.469.759.081	847.772.727	938.218.182	71.126.441.750
Tăng trong kỳ	-	-	-	38.454.545	-	38.454.545
- Mua trong kỳ	-	-	-	38.454.545	-	38.454.545
Giảm trong kỳ		2.125.200.000	-	-	-	2.125.200.000
- Thanh lý, nhượng bán	-	2.125.200.000	-	-	-	2.125.200.000
<i>Dư cuối kỳ</i>	16.829.374.924	40.916.116.836	9.469.759.081	886.227.272	938.218.182	69.039.696.295
Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Dư đầu kỳ</i>	9.987.592.389	20.727.700.825	4.439.324.044	358.397.722	777.695.416	36.290.710.396
Tăng trong kỳ	842.616.504	2.280.679.879	738.166.764	2.253.519	46.306.819	3.910.023.485
- Khấu hao trong kỳ	842.616.504	2.280.679.879	738.166.764	2.253.519	46.306.819	3.910.023.485
Giảm trong kỳ		237.880.832	-	-	-	237.880.832
- Thanh lý, nhượng bán	-	237.880.832	-	-	-	237.880.832
<i>Dư cuối kỳ</i>	10.830.208.893	22.770.499.872	5.177.490.808	360.651.241	824.002.235	39.962.853.049
Giá trị còn lại						
<i>Đầu kỳ</i>	6.841.782.535	22.313.616.011	5.030.435.037	489.375.005	160.522.766	34.835.731.354
<i>Cuối kỳ</i>	5.999.166.031	18.145.616.964	4.292.268.273	525.576.031	114.215.947	29.076.843.246

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

11. Phải trả người bán	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn	34.566.252.011	34.566.252.011	19.905.327.679	19.905.327.679
- Công ty TNHH xuất nhập khẩu Hà Mai	331.500.000	331.500.000	531.500.000	531.500.000
- Công ty CP Đoàn Minh Công	1.986.435.600	1.986.435.600	986.435.600	986.435.600
- Công ty TNHH Vận tải Trường Kỳ	1.436.085.468	1.436.085.468	1.436.085.468	1.436.085.468
- Công ty CP Đầu Tư Thương Mại Và Dịch Vụ Thăng Long	183.271.030	183.271.030	683.271.030	683.271.030
- Công ty TNHH khai thác đá Xuân Tùng	3.891.684.000	3.891.684.000	2.139.264.250	2.139.264.250
- Công ty CP vận tải và dịch vụ Khang Minh	802.865.551	802.865.551	890.156.249	890.156.249
- Công ty CP Thương mại IDC Vạn Thành	3.473.745.798	3.473.745.798	2.366.938.198	2.366.938.198
- Công ty CP Tài nguyên Đông Bắc	4.638.666.111	4.638.666.111	3.961.645.046	3.961.645.046
- Công ty TNHH vận tải Trường Anh	2.016.280.869	2.016.280.869	1.647.400.100	1.647.400.100
- Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	5.798.732.445	5.798.732.445	-	-
- Công ty TNHH Phương Lâm	3.560.900.745	3.560.900.745	553.119.170	553.119.170
- Các đối tượng khác	6.446.084.394	6.446.084.394	4.709.512.568	4.709.512.568
b) Dài hạn				
Cộng	34.566.252.011	34.566.252.011	19.905.327.679	19.905.327.679

Phải trả người bán là các bên liên quan

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Giá trị	Khả năng trả nợ
- Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	5.798.732.445	5.798.732.445	-	-
	5.798.732.445	5.798.732.445		

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**12. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	01/01/2019	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2019
a) Phải nộp				
- Thuế giá trị gia tăng	1.475.257.202	5.509.922.248	6.348.504.989	636.674.461
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.552.399.627	687.424.529	1.552.399.627	687.424.529
- Thuế thu nhập cá nhân	222.486.506	17.029.312	82.184.256	157.331.562
Cộng	3.250.143.335	6.214.376.089	7.983.088.872	1.481.430.552
b) Phải thu				
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.337.241.672	105.746.904	-	16.231.494.768
Cộng	16.337.241.672	105.746.904		16.231.494.768

13. Phải trả khác

	30/06/2019	01/01/2019
a) Ngắn hạn	5.008.756.936	6.742.540.256
- Kinh phí công đoàn	601.674.238	510.119.138
- Bảo hiểm xã hội, Y tế, thất nghiệp	368.078.691	165.417.111
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.039.004.007	6.067.004.007
+ Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	4.017.730.550	6.045.730.550
+ Quỹ phòng chống thiên tai	21.273.457	21.273.457
b) Dài hạn		
Cộng	5.008.756.936	6.742.540.256

Phải trả khác với các bên liên quan

	30/06/2019	01/01/2019
- Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh	4.017.730.550	6.045.730.550
Cộng	4.017.730.550	6.045.730.550

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP
 Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
 thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính

	30/06/2019		01/01/2019			
	Giá trị	Khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		
a) Vay ngắn hạn	37.303.877.275	37.303.877.275	71.134.924.189	72.585.113.692	38.754.066.778	38.754.066.778
Vay ngân hàng						
{1} Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	3.514.812.037	3.514.812.037	3.537.172.037	4.244.787.689	4.222.427.689	4.222.427.689
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam	-	-	33.808.686.914	68.340.326.003	34.531.639.089	34.531.639.089
{2} Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	33.789.065.238	33.789.065.238	33.789.065.238	-	-	-
b) Vay dài hạn	6.892.304.381	6.892.304.381	2.523.992.200	3.968.606.720	8.336.918.901	8.336.918.901
Vay ngân hàng						
{3} Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	91.290.000	91.290.000	-	322.570.000	413.860.000	413.860.000
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hà Nam	-	-	-	3.596.051.775	3.596.051.775	3.596.051.775
{4} Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Thành	3.937.413.373	3.937.413.373	-	-	3.937.413.373	3.937.413.373
{5} Shinhan Bank	339.608.808	339.608.808	-	49.984.945	389.593.753	389.593.753
{2} Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch	2.523.992.200	2.523.992.200	2.523.992.200	-	-	-
Cộng	44.196.181.656	44.196.181.656	73.658.916.389	76.553.720.412	47.090.985.679	47.090.985.679

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

Thông tin

{1} Khoản vay theo các Hợp đồng cho vay cụ thể bao gồm:

Số hợp đồng	Ngày hợp đồng	Thời hạn vay	Lãi suất vay
- 0100000016091014/HĐCT	6/6/2019	6 tháng	8,50%
- 0100000016224014/HĐCT	6/12/2019	6 tháng	8,50%
- 0100000016264014/HĐCT	6/13/2019	6 tháng	8,50%
- 0100000016402014/HĐCT	6/25/2019	6 tháng	8,50%
- 0100000016583014/HĐCT	6/28/2019	7 tháng	8,50%

+ Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba.

+ Mục đích vay: thanh toán các chi phí phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

{2} Khoản vay theo hợp đồng tín dụng hạn mức số 134/2019/HĐTD ký ngày 24/06/2019 hạn mức tối đa là 55.000.000.000 đồng trong đó:

+ Cho vay ngắn hạn (thanh toán trong nước hoặc thanh toán hàng nhập khẩu) là 37.000.000.000 đồng; thời hạn tối đa khoản vay là 06 tháng.

+ Cho vay ngắn hạn tài trợ khoản phải thu/hoặc Hợp đồng đầu ra là 52.200.000.000 đồng; thời hạn tối đa theo quy định của MSB.

+ Cho vay trung hạn là 2.800.000.000 đồng; thời hạn tối đa khoản vay là 05 năm.

- Lãi suất tín dụng được quy định cụ thể tại các Giấy nhận nợ/ Khế ước nhận nợ.

- Tài sản bảo đảm

+ Hợp đồng thế chấp quyền tài sản phát hành từ hợp đồng thuê đất và tài sản gắn liền với đất tại địa chỉ thửa đất 6, tờ bản đồ 25, Cụm Công nghiệp mở rộng Tây Nam thành phố Phủ Lý, phường Lê Hồng Phong, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

+ Hợp đồng thế chấp máy móc, thiết bị dây chuyền sản xuất

+ Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải

HÀ
CỘNG
HÒA
XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA
LIÊN BANG
VIỆT NAM

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc
đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

14. Vay và nợ thuê tài chính (tiếp theo)

{3} Khoản vay theo các Hợp đồng trung hạn, bao gồm:

- Hợp đồng số DHA0500051/HĐTD ngày 17/07/2016;
- Hợp đồng số DHA0500052/HĐTD ngày 15/09/2016;
- Hợp đồng số DHA0500053/HĐTD ngày 15/09/2016;
- Hợp đồng số DHA0500054/HĐTD ngày 15/09/2016;
- Hợp đồng số DHA0500055/HĐTD ngày 27/10/2016;
- Hợp đồng số DHA0500056/HĐTD ngày 27/10/2016;

Các khoản vay được đảm bảo bằng tài sản của bên thứ ba, tài sản của công ty và tài sản hình thành từ vốn vay.

Thời hạn vay: 36 tháng;

Lãi suất vay: từ 8,4%/năm đến 10,8%/năm.

Tài sản thế chấp: Máy sản xuất gạch YQT10-15; Máy xếp gạch không nung xi măng cốt liệu; Hai dây chuyền sản xuất gạch không nung

{4} Khoản vay dài hạn theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng số SGO20170851/HĐTD ngày 13/06/2017;
- Hợp đồng số SGO20170852/HĐTD ngày 13/06/2017;
- Hợp đồng số SGO20170853/HĐTD ngày 13/06/2017;

Mục đích: đầu tư mua 3 căn hộ tại dự án D'.Capitale làm văn phòng (thuyết minh số 08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang) và được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

Thời hạn vay: 60 tháng;

Lãi suất vay trong năm: 9,65%/năm.

Tài sản bảo đảm: căn hộ số 15, 16, 17 tầng 21, tòa C2 D'.Capitale

{5} Hợp đồng tín dụng vay trung hạn số 814300004295 ngày 22/03/2018

- Lãi suất bán cố định: 8,5%/năm;

- Thời hạn vay: 4 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)**15. Vốn chủ sở hữu***a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu*

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	-	11.494.866.762	56.494.866.762
- Tăng vốn trong năm trước (*)	96.750.000.000	9.000.000.000	-	105.750.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	5.850.300.784	5.850.300.784
- Phân phối lợi nhuận năm trước (**)	-	-	6.750.000.000	6.750.000.000
- Giảm khác năm trước	-	288.940.909	31.941.985	320.882.894
Số dư tại 01/01/2019	141.750.000.000	8.711.059.091	10.563.225.561	161.024.284.652
- Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ này	-	-	2.464.298.151	2.464.298.151
- Phân phối lợi nhuận kỳ này	-	-	-	-
Số dư tại 30/06/2019	141.750.000.000	8.711.059.091	13.027.523.712	163.488.582.803

(*) Tăng vốn trong năm trước bao gồm:

- Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017: 6.750.000.000 đồng.

- Huy động vốn thành công thông qua việc chào bán 9.000.000 cổ phiếu ra công chúng theo Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu số 01/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 03/01/2018. Tổng tiền thu được từ việc phát hành là 99.000.000.000 đồng trong đó có 9.000.000.000 là thặng dư cổ phần.

(**) Trả cổ tức năm 2017 tỷ lệ 5% bằng cổ phiếu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 số 01/NQ/ĐHCD-KM/2018 ngày 28/04/2018 và theo Nghị quyết về việc Thông qua Phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2017 số 06/NQ/HĐQT-KM/2018 ngày 01/10/2018 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần gạch Khang Minh.

b) Chi tiết Vốn góp của chủ sở hữu

Đối tượng	30/06/2019	01/01/2019
- Ông Đặng Việt Lê	31.500.000.000	31.500.000.000
- Ông Lê Hoài An	7.140.000.000	7.140.000.000
- Các cổ đông khác	103.110.000.000	103.110.000.000
Cộng	141.750.000.000	141.750.000.000

c) Tỷ lệ vốn góp của các thành viên

Thành viên	30/06/2019	01/01/2019
- Ông Đặng Việt Lê	22,22%	22,22%
- Ông Lê Hoài An	5,04%	5,04%
- Các cổ đông khác	72,74%	72,74%
Cộng	100%	100%



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)

15. Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

d) Các giao dịch về vốn

	<u>Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019</u>	<u>Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	141.750.000.000	45.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	90.000.000.000
Vốn góp cuối năm	141.750.000.000	135.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

e) Cổ phiếu

	<u>30/06/2019</u>	<u>01/01/2019</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	14.175.000	14.175.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.175.000	14.175.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.175.000	14.175.000
Số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân	14.175.000	14.175.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND / cp)	10.000	10.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG

	Đơn vị tính: VND	
	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
01. Doanh thu	54.086.222.427	65.624.795.908
- Doanh thu bán sản phẩm	54.086.222.427	65.624.795.908
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	19.591.850
trong đó:		
- Hàng bán bị trả lại	-	19.591.850
Doanh thu thuần	54.086.222.427	65.605.204.058
02. Giá vốn hàng bán	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	44.790.407.379	54.562.109.548
Cộng	44.790.407.379	54.562.109.548
03. Doanh thu hoạt động tài chính	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	464.381	1.923.628
Cộng	464.381	1.923.628
04. Chi phí tài chính	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Lãi tiền vay	1.719.224.825	2.055.242.656
Cộng	1.719.224.825	2.055.242.656
05. Chi phí bán hàng	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Chi phí nhân viên	1.385.377.997	1.781.159.979
- Chi phí khấu hao Tài sản cố định	41.496.306	23.425.334
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	70.561.931	117.569.123
- Chi phí bằng tiền khác	365.203.993	968.900.293
Cộng	1.862.640.227	2.891.054.729

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời
với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
06. Chi phí Quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí nhân viên quản lý	885.112.322	1.017.569.442
- Chi phí đồ dùng văn phòng	2.568.436	47.894.167
- Chi phí khấu hao TSCĐ	57.716.553	34.865.682
- Thuế, phí và lệ phí	7.318.800	17.638.066
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.952.274	263.452.493
- Chi phí bằng tiền khác	448.304.677	740.365.752
Cộng	1.402.973.062	2.121.785.602
07. Thu nhập khác	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Thanh lý TSCĐ	1.013.000.000	-
Cộng	1.013.000.000	
08. Chi phí khác	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
- Tiền chậm nộp thuế, BHXH	102.769.467	82.709.588
- Thanh lý TSCĐ	1.887.319.168	-
- Chi phí khác	182.630.000	220.584.055
Cộng	2.172.718.635	303.293.643
09. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.151.722.680	3.673.641.508
Các khoản điều chỉnh		
- Chi phí không được trừ	285.399.467	294.149.098
+ Lãi chậm nộp bảo hiểm và thuế	102.769.467	-
+ Chi phí không được trừ khác	182.630.000	294.149.098
Tổng lợi nhuận kế toán sau điều chỉnh	3.437.122.147	3.967.790.606
Tổng thu nhập tính thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.437.122.147	3.967.790.606
Thuế suất	20%	20%
Thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp	687.424.429	793.558.121

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời
với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH RIÊNG (tiếp theo)

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố		
- Chi phí nguyên vật liệu	29.148.874.598	29.643.262.644
- Chi phí nhân công	7.487.486.366	7.431.926.774
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.910.023.485	4.151.473.152
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	75.082.641	1.072.158.863
- Chi phí bằng tiền khác	2.074.567.709	2.797.132.237
Cộng	42.696.034.799	45.095.953.670

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch đối với bên liên quan****Thông tin****Đối tượng****Quan hệ****Cá nhân**

- Ông Đặng Việt Lê

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Tổ chức

- Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh
- Công ty CP đá quý Khang Minh

Công ty con

Công ty con

Giao dịch với Bên liên quan

Từ 01/01/2019
đến 30/06/2019

Từ 01/01/2018
đến 30/06/2018

Ông Đặng Việt Lê

Mượn tiền

16.143.360.050

8.253.725.000

Trả tiền mượn

16.143.360.050

6.351.774.000

Công ty TNHH Khang Minh Conslab Thạch Anh

Mua hàng

5.798.732.445

-

Trả tiền mượn

2.028.000.000

2.170.000.000

Mượn tiền

-

473.000.000

Thu nhập của thành viên chủ chốt

Từ 01/01/2019
đến 30/06/2019

Từ 01/01/2018
đến 30/06/2018

Tiền lương, thưởng, phụ cấp

1.153.551.519

1.150.531.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Công cụ tài chính

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số công cụ tài chính nhất định trong Báo cáo tài chính. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Tuy nhiên cho đến nay chưa có hướng dẫn cụ thể từ Bộ Tài chính cho việc áp dụng các quy định trong Thông tư 210, do đó các công cụ tài chính trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ năm nay ngoại trừ phải thu khách hàng và phải thu khác vẫn được trình bày theo giá gốc.

Các công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ			
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.982.791.283		4.420.798.740	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	61.414.235.018		63.973.922.426	
Cộng	73.397.026.301		68.394.721.166	

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	30/06/2019	01/01/2019
	Vay và nợ	44.196.181.656
Phải trả người bán và phải trả khác	39.575.008.947	26.647.867.935
Cộng	83.771.190.603	73.738.853.614

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán ngoại trừ tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng và phải thu khác do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả việc áp dụng giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải gánh chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

2. Công cụ tài chính (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất, giá cổ phiếu và giá sản phẩm/giá nguyên phụ liệu.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty liên quan chủ yếu tới các khoản vay có lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình để đưa ra quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được lãi suất có lợi cũng như duy trì cơ cấu vay phù hợp.

Quản lý rủi ro giá bán sản phẩm/giá mua nguyên phụ liệu

Hoạt động sản xuất kinh doanh có rủi ro về sự biến động của giá bán sản phẩm và giá mua nguyên phụ liệu, Công ty quản lý loại rủi ro này bằng cách theo dõi chặt chẽ thông tin có liên quan của thị trường đầu ra và thị trường đầu vào nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức tồn kho một cách hợp lý.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp nhằm đảm bảo sự cân đối hợp lý giữa rủi ro và lợi nhuận có thể thu từ khách hàng được cấp tín dụng. Công ty thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng quá mức hay không.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty không đảm bảo được nguồn vốn cần thiết khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Rủi ro thanh khoản chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và vốn mà các cổ đông cam kết góp. Thời hạn thanh toán của các tài sản tài chính và các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Tại ngày 30/06/2019				
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.982.791.283			11.982.791.283
Phải thu khách hàng và phải thu khác	57.275.813.527	4.138.421.491		61.414.235.018
Cộng tài sản tài chính	69.258.604.810	4.138.421.491		73.397.026.301
Vay và nợ	37.303.877.275	6.892.304.381		44.196.181.656
Phải trả người bán và phải trả khác	39.303.380.174	271.628.773		39.575.008.947
Cộng nợ phải trả tài chính	76.607.257.449	7.163.933.154		83.771.190.603
Tài sản tài chính thuần	(7.348.652.639)	(3.025.511.663)		(10.374.164.302)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHANG MINH GROUP

Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Lê Hồng Phong,
thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/06/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời
với Báo cáo tài chính riêng)

MẪU SỐ B 09a - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

3. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2018 đến ngày 30/06/2018 đã được soát xét và Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM.

Người lập

Trần Thị Miên

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 22 tháng 07 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Đặng Việt Lê

